

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ THÍCH ỨNG VỚI HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP CỦA LƯU HỌC SINH

Nguyễn Quốc Thái

Trường Đại học Tây Bắc

Tóm tắt: Một trong những nhân tố quyết định trực tiếp chất lượng đào tạo lưu học sinh trong các trường Đại học ở Việt Nam là sự thích ứng với hoạt động học tập của các em. Bài viết đề cập cơ sở lý luận về sự thích ứng với hoạt động học tập của lưu học sinh qua các nội dung: khái niệm sự thích ứng, khái niệm sự thích ứng với hoạt động học tập của lưu học sinh, các biểu hiện sự thích ứng với hoạt động học tập của lưu học sinh... làm cơ sở cho việc nghiên cứu vấn đề này trong thực tiễn.

Từ khóa: Sự thích ứng, Lưu học sinh, Sự thích ứng với hoạt động học tập.

1. Đặt vấn đề

Thích ứng là quá trình con người thay đổi nhận thức, thái độ và kỹ năng của bản thân để đáp ứng những yêu cầu mới của hoạt động. Nó có vai trò quan trọng đối với hiệu quả công việc, làm tăng năng suất lao động. Đặc biệt trong quá trình học tập, sự thích ứng là điều kiện quan trọng cho việc hình thành hệ thống tri thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp của mỗi cá nhân.

Đối với mọi quốc gia trên thế giới, việc nâng cao chất lượng đào tạo sẽ làm cho giáo dục - đào tạo thực sự trở thành động lực, mục tiêu thúc đẩy kinh tế - văn hóa và xã hội phát triển. Nhiệm vụ của ngành Giáo dục - Đào tạo là "... giúp sinh viên nắm vững kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành về một ngành nghề, có khả năng phát hiện và giải quyết những vấn đề thông thường thuộc chuyên ngành được đào tạo" [1]. Tuy nhiên, sinh viên (SV) ở các trường chuyên nghiệp tham gia vào hoạt động học tập với những yêu cầu mới như: cách học mới, lượng tri thức ngày một tăng, phương pháp giảng dạy của thầy cũng khác xa với phổ thông... Điều này đã gây không ít những khó khăn cho sinh viên trong quá trình học tập, đặc biệt là các Lưu học sinh (LHS) Đứng trước những khó khăn đó, rất dễ chán nản, bỏ bê nhiệm vụ học tập và dẫn đến những hành vi sai lệch. Do đó, việc nhanh chóng giúp thích

ứng với hoạt động học tập có ý nghĩa quyết định đối với chất lượng đào tạo tại các trường chuyên nghiệp.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái niệm thích ứng

2.1.1. Thích ứng là gì?

Thuật ngữ "thích ứng" (tiếng Anh: adaptation) đã được biết tới từ khá lâu và nó được một vài các khoa học khác nhau nghiên cứu, sử dụng. Chúng tôi nhận thấy khái niệm thích ứng được hiểu theo nhiều cách khác nhau, nhưng cơ bản được chia thành hai nhóm chính: 1/Đồng nhất khái niệm thích ứng với thích nghi; 2/Phân biệt hai khái niệm này.

* Nhóm 1: Đồng nhất khái niệm thích ứng với thích nghi

Trong từ điển tiếng Việt, thuật ngữ "thích ứng" có hai nghĩa "1/ Có những thay đổi cho phù hợp với điều kiện mới, yêu cầu mới; 2/ Như thích nghi, tức là có những biến đổi nhất định cho phù hợp với hoàn cảnh, môi trường mới" [9, tr.906].

Trong tiếng Anh, động từ "adapt" có nghĩa là làm cho phù hợp với hoàn cảnh mới, điều kiện mới hay cách thức sử dụng mới. Danh từ "adaptation" là thuật ngữ sinh học dùng để chỉ hành động hoặc quá trình thích nghi, thích ứng [11, tr.10].

- Trong Từ điển Tâm lý học, thuật ngữ “thích nghi” và “thích ứng” được dùng chung một mục và có nghĩa: “*Một sinh vật sống được trong một môi trường có nhiều biến động, bằng cách này thay đổi phản ứng của bản thân hoặc tìm cách thay đổi môi trường. Bước đầu là điều chỉnh những phản ứng sinh lý (thích nghi với nhiệt độ cao hay thấp, môi trường khô hay ẩm) sau là thay đổi cách ứng xử, đây là thích nghi tâm lý. Thích nghi xã hội: Một cá nhân tiếp nhận được các giá trị của một xã hội, hoà nhập vào xã hội ấy (thí dụ một người di tản hòa nhập được vào xã hội lúc đầu còn xa lạ)...*” [10, tr.366-367].

Trong “*Sổ tay khoa học chẩn đoán tâm lý*”, tác giả Trần Thị Cẩm đã đồng nhất “thích nghi” và “thích ứng”. Cụ thể, thích nghi là sự thích ứng về cấu tạo và chức năng của cơ thể bao gồm cả các cơ quan và tế bào của nó đối với điều kiện môi trường [4].

Như vậy, các tác giả ở nhóm thứ nhất có khuynh hướng đồng nhất khái niệm “thích nghi” và “thích ứng”. Theo chúng tôi, về hình thức cách hiểu như trên là hợp lý, còn về nội dung thì chưa hoàn toàn thoả đáng vì các tác giả thuộc nhóm này chưa phân biệt được sự khác nhau trong nội hàm hai khái niệm trên và chưa chỉ ra ranh giới của hai khái niệm này.

** Nhóm 2: Phân biệt khái niệm thích ứng với thích nghi*

Các nhà tâm lý học thuộc nhóm này đề nghị cần phải phân biệt sự khác nhau giữa hai khái niệm thích ứng với thích nghi. Theo A.N.Leonchiev: “*Sự khác biệt cơ bản giữa các quá trình thích nghi theo đúng nghĩa của nó và quá trình tiếp thu, lĩnh hội là ở chỗ quá trình thích nghi sinh vật là quá trình thay đổi các thuộc tính của loài, năng lực của cơ thể và hành vi loài của cơ thể. Quá trình tiếp thu hay lĩnh hội thì khác. Đó là quá trình mang lại kết quả là cá thể tái tạo lại được những năng lực và chức năng người đã hình thành trong quá trình lịch sử*” [8, tr.95].

Phát triển quan niệm về sự thích ứng của A.N.Leonchiev đã đưa khái niệm thích ứng tâm

lý thoát khỏi lập trường sinh học, xem xét nó dưới góc độ hoạt động, vạch rõ bản chất của nó, làm cho nó mang sắc thái riêng của tâm lý học.

Tác giả Lê Ngọc Lan cho rằng thích ứng là một cấu trúc tâm lý, bao gồm hai yếu tố cơ bản: “*Thứ nhất, nắm được phương thức hành vi thích hợp, đáp ứng được yêu cầu của cuộc sống và hoạt động; Thứ hai, hình thành được các cấu tạo tâm lý mới tạo nên tính chủ thể của hành vi và hoạt động*” [6, tr.19].

Tác giả Nguyễn Văn Hồng (2012) cho rằng: Thích ứng là quá trình con người tích cực, chủ động tạo ra sự thay đổi trong nhận thức, thái độ, hành vi nhằm đáp lại một cách phù hợp những đòi hỏi của điều kiện môi trường sống luôn thay đổi, nhờ đó con người luôn hòa nhập được với môi trường sống [5, tr.19].

Kế thừa và tiếp thu có chọn lọc các quan niệm trong và ngoài nước, chúng tôi hiểu: “*Thích ứng là quá trình con người tích cực, chủ động thay đổi, điều chỉnh về mặt tâm lý để khắc phục những khó khăn của môi trường sống mới và hoạt động một cách có hiệu quả*”.

2.1.2. Các mức độ thích ứng

Thuật ngữ “thích nghi” bắt đầu được quan tâm từ thế kỷ 19, từ khi Charles Darwin (1800 - 1882) sử dụng trong “Thuyết tiến hóa”. Đây là một phạm trù cơ bản của sinh vật học dùng để chỉ các quá trình biến đổi về cấu trúc, chức năng của cơ thể sinh vật để duy trì sự cân bằng giữa cơ thể và môi trường trong điều kiện môi trường thay đổi.

- Sự thích nghi của giới sinh vật được thực hiện với nhiều trình độ khác nhau: đầu tiên và thấp nhất là sự *thích nghi sinh học*, có tính vật chất, cơ thể tác động qua lại với môi trường một cách trực tiếp về mặt lý hóa, mà sự thay đổi của nó chậm chạp, tạo ra những đáp ứng ổn định của cơ thể sinh học gọi là tính chịu kích thích. Sự thích nghi này đảm bảo cho các cá thể sinh vật tồn tại trong môi trường tương đối ổn định, nối tiếp bằng con đường sinh học. Thích nghi kiểu này có ở mọi cá thể sinh học.

- Trong điều kiện môi trường biến đổi nhanh chóng, tính biến động cao do di chuyển, thay đổi thời tiết, khí hậu, thức ăn,... động vật bậc cao (kể cả con người) hình thành một trình độ thích nghi mới cả về nội dung và hình thức mà biểu hiện là tính cảm ứng. Ở trình độ này, cơ thể động vật không chỉ thụ động đáp lại kích thích của môi trường mà còn phản ứng đáp lại những kích thích đó. Trong cơ thể động vật bậc cao hình thành một tổ chức mới cho phép nó đáp ứng được những biến đổi loại này - đó là hệ thần kinh. Hệ thần kinh phát triển cho phép cơ thể sinh vật có khả năng đáp ứng với những kích thích gián tiếp, hoặc đón trước, hoặc tái tạo gần kề. Một hình thức thích ứng cao hơn xuất hiện - *thích ứng tâm lý*.

Đặc trưng của thích ứng tâm lý là cơ thể động vật không chỉ thích ứng với những tác động trực tiếp mà còn với những kích thích gián tiếp có tính tín hiệu của môi trường. Kiểu thích ứng này có chung ở cả người, động vật và nó phát triển cùng với sự phát triển của hệ thần kinh.

- Khi nghiên cứu hiện tượng thích ứng tâm lý ở người, người ta đã phát hiện được một trình độ cao nhất của nó: *thích ứng tâm lý - xã hội* ở người, tức là sự biến đổi tâm lý của con người cho phù hợp với sự biến đổi của môi trường xã hội, đây là hình thức thích ứng cao nhất chỉ có ở con người và đặc trưng cho con người. Thích ứng tâm lý - xã hội là quá trình tương tác giữa con người với môi trường xã hội, quá trình con người làm quen, thâm nhập vào môi trường xã hội thông qua hoạt động và giao tiếp. Đây là một quá trình tích cực, chủ động và liên tục.

Môi trường xã hội mới (hay những thay đổi của môi trường) luôn đặt ra trước con người những vấn đề nhất định. Để giải quyết những vấn đề này, trong quá trình thích ứng con người phải huy động những năng lực tâm lý có sẵn, lĩnh hội những kinh nghiệm và phương thức hành vi mới. Con người thích ứng với môi trường là con người giải quyết thành công những vấn đề nảy sinh trong mối quan hệ con người với môi trường.

Như vậy, qua việc phân tích các mức độ thích ứng chúng ta thấy thích ứng với HĐHT của được xếp vào mức độ thích ứng tâm lý - xã hội. Đây chính là quá trình thâm nhập vào môi trường học tập mới và cố gắng để giải quyết thành công những khó khăn nảy sinh trong môi trường này.

2.2. Thích ứng với hoạt động học tập của lưu học sinh

2.2.1. Những đặc điểm cơ bản về hoạt động học tập của lưu học sinh

2.2.1.1. Khái niệm “Lưu học sinh”

Theo Thông tư ban hành Quy chế quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam: Người nước ngoài học tập tại Việt Nam là những công dân nước ngoài đến học tập, nghiên cứu và thực tập tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân của Việt Nam, bao gồm: Học sinh tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, HS trung học chuyên nghiệp, SV Cao đẳng, SV Đại học, học viên sau Đại học, học viên bồi dưỡng nâng cao trình độ, thực tập sinh, gọi chung là LHS [3].

LHS gồm 3 nhóm:

Nhóm 1: LHS được tiếp nhận theo các Hiệp định, thoả thuận giữa nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam với các nước, các tổ chức Quốc tế, được Chính phủ Việt Nam cấp học bổng, gọi chung là LHS theo Hiệp định.

Nhóm 2: LHS người nước ngoài được các tổ chức, cá nhân tài trợ học bổng học tập tại Việt Nam không thuộc đối tượng Nhóm 1 là LHS học bổng khác.

Nhóm 3: LHS được tiếp nhận theo Hợp đồng đào tạo giữa các cơ sở giáo dục của Việt Nam với các tổ chức, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, gọi chung là LHS tự túc.

2.2.1.2. Một số đặc điểm tâm lý cơ bản của lưu học sinh

LHS có đặc điểm tâm lý cơ bản của sinh viên như:

- Hoạt động nhận thức và sự phát triển trí tuệ. Hoạt động nhận thức của SV là đi sâu tìm hiểu những môn học, những chuyên ngành khoa học cụ thể để nắm được nội dung, phương pháp, quy luật của các môn khoa học khác nhau với mục đích trở thành những chuyên gia ở những lĩnh vực nhất định. Nét đặc trưng trong hoạt động nhận thức là có thể hoạt động trí tuệ tập trung, tư duy độc lập với nhiều thao tác như phân tích, tổng hợp, khái quát hoá, trừu tượng hoá... Sự phát triển trí tuệ ở lứa tuổi SV được đặc trưng bởi sự nâng cao năng lực trí tuệ như tính nhạy bén, khả năng giải thích và gán ý nghĩa cho những ấn tượng của cảm tính nhờ vào kinh nghiệm đã có và những tri thức khoa học tiếp thu trong quá trình học đại học.

- Đặc điểm tự ý thức của SV. Một trong những đặc điểm tâm lí quan trọng nhất ở tuổi SV là sự phát triển tự ý thức. Tự ý thức của SV được hình thành trong quá trình xã hội hoá và liên quan đến tính tích cực nhận thức của sinh viên; giúp cho sinh viên có những hiểu biết và thái độ đối với bản thân mình để chủ động hướng nhân cách theo các yêu cầu của xã hội.

- Xu hướng phát triển nhân cách của TN-SV. Sự phát triển nhân cách SV trong quá trình học tập ở đại học, được diễn ra theo các hướng cơ bản sau:

+ Niềm tin, xu hướng nghề nghiệp và các năng lực cần thiết của người chuyên gia tương lai được hình thành, củng cố và phát triển.

+ Mức độ kì vọng đối với nghề nghiệp tương lai của SV được tăng lên ở mức cao hơn.

+ Các quá trình tâm lí, đặc biệt là quá trình nhận thức được phát triển và có tính nghề nghiệp.

+ Tình cảm nghĩa vụ, tinh thần trách nhiệm, tính độc lập được nâng cao, cá tính và lập trường sống được bộc lộ rõ nét.

+ Sự trưởng thành về mặt xã hội, đạo đức, khả năng tự giáo dục của sinh viên được nâng cao.

+ Hình thành những phẩm chất nghề nghiệp và tính sẵn sàng đối với hoạt động nghề nghiệp tương lai được củng cố.

Bên cạnh các đặc điểm trên, LHS còn có những đặc điểm riêng, như:

- Trong học tập, các em thường trung thực, thẳng thắn, không “giấu dốt”.

- Tình cảm của họ thường thâm kín, ít biểu hiện ra ngoài một cách mạnh mẽ. Thông thường chỉ khi nào xuất hiện những tình huống đặc biệt mới rõ tình cảm của họ là rất chân thành.

- Trong quan hệ cộng đồng, quan hệ xã hội các em thường coi trọng tín nghĩa, thẳng thắn, thực thà, tính tự trọng cao, dễ tin và khi đã tin là tin tuyệt đối.

- Một nét tính cách khác cũng dễ nhận thấy ở LHS là sự hồn nhiên, cảm tính, hưng phấn cao làm cho các em rất hăng hái, nhiệt tình với các hoạt động bề nổi như: thể thao, văn nghệ, yêu lao động,... bằng các hoạt động này để lôi cuốn các em hoà nhập vào tập thể.

- Tính tích cực giao tiếp của chưa cao. Trong việc thiết lập mối quan hệ mới các em còn gặp nhiều khó khăn, thiếu tính chủ động. Do trình độ tiếng Việt hạn chế nên đã hình thành ở LHS thái độ giao tiếp thờ ơ (mặc dù bên trong khá tích cực). Trong HĐHT, LHS thường bị động trong cách học, ngại giao tiếp với bạn bè, với thầy cô, một phần là do tính tích cực giao tiếp chưa cao của các em chi phối.

- Tính tự ti là nét tính cách thường gặp ở LHS.

2.2.1.3. Những đặc điểm cơ bản về hoạt động học tập của Lưu học sinh

* Đặc điểm hoạt động học tập của LHS

Hiện nay, LHS học tập tại các trường chuyên nghiệp ở Việt Nam thường tham gia học ghép với SV Việt Nam và HĐHT theo học chế tín chỉ nên có đặc điểm cơ bản sau:

- Thời gian học tập: Đào tạo theo học chế tín chỉ tổ chức theo học kỳ. Một năm học có thể

tổ chức đào tạo từ 2 đến 3 học kỳ, mỗi chương trình đào tạo của một ngành học nhất định không tính theo năm mà tính theo sự tích lũy kiến thức của sinh viên, sinh viên tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho một ngành học thì được cấp bằng tốt nghiệp đại học, được ra trường.

- Tổ chức đào tạo: SV phải tự đăng ký lịch học, sinh viên không đăng ký sẽ không có lịch học. Để làm được việc đó sinh viên phải nghiên cứu kỹ, nắm chắc các tài liệu của nhà trường như quyển niên giám, sổ tay sinh viên, nắm vững chương trình đào tạo, các học phần phải học trước, các học phần học song hành, phần kiến thức giáo dục đại cương, phần kiến thức giáo dục chuyên nghiệp,... để có thể có được đăng ký lịch học cho từng học kỳ cho phù hợp (phù hợp ở đây là phù hợp với quy định của nhà trường và phù hợp với sức học của sinh viên).

- Nội dung, chương trình đào tạo: Các chương trình đào tạo có tính liên thông cao, là đào tạo tiềm năng.

- Phương pháp dạy học: Trong đào tạo theo tín chỉ thời gian sinh viên có mặt ở trên lớp giảm đi 1/3 thay vào đó là thời gian tự học phải tăng lên. Như vậy, thời gian giảng dạy trên lớp giảm đi, thời gian tự học của sinh viên tăng lên trong khi không được giảm yêu cầu đánh giá. Vậy làm thế nào để đảm bảo chất lượng. Mấu chốt của vấn đề là phải đổi mới phương pháp giảng dạy. Phải giảng dạy bằng phương pháp tích cực.

* Một số khó khăn trong HĐHT của LHS

- Sự hạn chế về trình độ tiếng Việt: Rất nhiều LHS chưa có hoặc rất hạn chế về trình độ tiếng Việt khi sang Việt Nam nên sau 1 năm học tiếng Việt trước khi bước vào HĐHT cụ thể thì về cơ bản có trình độ giao tiếp tiếng Việt thông thường. Do đó, LHS thường gặp rất nhiều khó khăn khi tham gia vào HĐHT các học phần khoa học chuyên ngành tại Việt Nam.

- Sự chênh lệch hoặc khác biệt về giáo dục phổ thông - bậc học cung cấp kiến thức nền tảng

cho bậc Đại học giữa quốc gia của LHS với Việt Nam. Điều này ảnh hưởng đến công tác giáo dục, dạy học khi các em học trong môi trường Đại học.

- Sự khác biệt về môi trường học tập và văn hóa học tập của LHS với Việt Nam cũng gây ra những khó khăn trong quá trình LHS tham gia vào HĐHT ở Đại học.

- Những đặc điểm tâm lý không có lợi như tính tự ti, rụt rè,... ở rất nhiều LHS cũng gây ra những khó khăn trong quá trình LHS tham gia vào HĐHT ở Đại học.

2.2.2. *Thích ứng với hoạt động học tập của lưu học sinh*

2.2.2.1. Khái niệm

Từ khái niệm thích ứng, HĐHT của LHS, chúng tôi hiểu: *thích ứng với HĐHT của LHS quá trình tích cực, chủ động thay đổi, điều chỉnh về mặt tâm lý để khắc phục những khó khăn trong phương thức đào tạo mới nhằm học tập một cách có hiệu quả.*

2.2.2.2. Biểu hiện sự thích ứng với hoạt động học tập của Lưu học sinh

Thích ứng với HĐHT của LHS được biểu hiện ở nhiều mặt, nhiều khía cạnh trong đời sống tâm lý con người (nhận thức - tình cảm - hành vi, hành động). Ở đây, chúng tôi xem hành vi là mặt biểu hiện tập trung nhất và lấy hành vi là tiêu chí cao nhất để đánh giá thích ứng của LHS với hoạt động học tập. Theo nguyên tắc thống nhất giữa tâm lý, ý thức với hành vi và hoạt động được X.L. Rubinstein đề ra năm 1935 thì ý thức, thái độ được xem là hình thái bên trong; hành vi, hoạt động được xem là hình thái bên ngoài, giữa chúng có sự thống nhất với nhau và cùng thuộc về một khách thể. Như vậy, có thể xem hành vi, hoạt động là biểu hiện rõ ràng nhất của đời sống tâm lý con người. Mọi hiện tượng tâm lý dù là ý thức hay vô thức bằng cách này hay cách khác đều được thể hiện ra bằng các hành vi trong các hoạt động của con người.

Chúng tôi xác định thích ứng về mặt hành vi được biểu hiện ở những khía cạnh cơ bản sau:

- Khuynh hướng hành vi: bao gồm những mục đích, kế hoạch, dự định, mong muốn hành động... Hành vi của con người nói chung và hành vi thích ứng nói riêng được đặc trưng bởi tính ý thức, nghĩa là nó được con người cân nhắc, tính toán, được lập kế hoạch và luôn gắn liền với các dự định, mục đích.

- Tính tích cực hành vi của chủ thể: Sự chủ động, sáng tạo trong hành động, nỗ lực khắc phục khó khăn, xoay sở để thay đổi hoàn cảnh... Thích ứng là một quá trình tích cực. Con người không thụ động ứng phó với những biến đổi của môi trường mà chủ động tác động vào môi trường, không cam chịu mà biết xoay sở để thay đổi hoàn cảnh.

- Mức độ quen thuộc của hành vi: Mức độ dễ dàng của hành động, sử dụng thành thạo công cụ, phương tiện hành động... Thích ứng là quá trình con người thâm nhập, làm quen với môi trường mới, những mối quan hệ mới. Trong quá trình thích ứng những cái mới, cái xa lạ dần trở thành cái quen thuộc, gần gũi đối với con người.

- Hành vi tuân thủ các quy tắc ứng xử: Trong xã hội, hành vi của con người phải phù hợp với hệ thống các chuẩn mực xã hội, quy định của pháp luật. Thích ứng chính là tuân thủ hệ thống các quy tắc này.

- Hành vi ứng xử: Thích ứng là thông minh. Điều này có thể hiểu rằng thích ứng là hành động một cách phù hợp với các tình huống thực tế: trong một tình huống cụ thể, giữa nhiều cách ứng xử, con người đưa ra cách ứng xử hợp lý nhất chính là người thích ứng được với tình huống, với hoàn cảnh.

- Cảm xúc trong hành vi: các phản ứng cảm xúc trong hành động như: vui, buồn, hài lòng, không hài lòng,... cho chúng ta biết thái độ thật của con người trước những tác động từ môi trường. Do đó, cảm xúc là một trong những biểu hiện quan trọng của sự thích ứng.

- Kết quả hành vi: bao gồm các nội dung như: sự hoàn thành công việc, định mức được giao, chất lượng, tiếp thu kinh nghiệm. Một con người thích ứng với môi trường thì hoạt động, xử sự của họ trong môi trường phải đạt hiệu quả.

7 biểu hiện nêu trên là những dấu hiệu cơ bản nhất ở mặt hành vi của thích ứng với HĐHT. Chúng thể hiện được cả mặt tâm lí bên trong và mặt bên ngoài của quá trình thích ứng. Khi xem xét, áp dụng những tiêu chí trên tới những khía cạnh nghiên cứu cụ thể của đề tài, chúng tôi thấy các tiêu chí đánh giá này được biểu hiện như sau:

* Biểu hiện khả năng thích ứng của LHS với các chuẩn mực học tập:

Trong phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ, sinh viên chịu sự chi phối của rất nhiều các nội quy, quy định học tập. Căn cứ vào Quyết định về việc ban hành “Quy chế 43 về đào tạo Đại học và cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ”; Căn cứ vào quy chế đào tạo sinh viên theo học chế tín chỉ của các trường đại học,... chúng tôi lựa chọn các yêu cầu, quy định học tập của sinh viên như sau: 1) Yêu cầu trong việc đăng ký khối lượng học tập; 2) Yêu cầu trong việc lĩnh hội tri thức ở giờ học lý thuyết; 3) Yêu cầu trong các giờ thực hành, thảo luận; 4) Yêu cầu trong các giờ tự học, tự nghiên cứu; 5) Yêu cầu trong việc thi, kiểm tra. Ở từng khía cạnh, khả năng thích ứng của sinh viên thể hiện cụ thể như sau:

- Trong việc đăng ký khối lượng học tập: Chủ động, tích cực trong việc đăng ký khối lượng học tập; Thực hiện đúng, dễ dàng, chính xác quy trình đăng ký môn học của nhà trường; Đăng ký khối lượng học tập đảm bảo sự phù hợp với năng lực, thời gian của bản thân; Linh hoạt thay đổi khối lượng học tập khi các điều kiện chủ quan và khách quan thay đổi.

- Trong các giờ học lý thuyết: Chuẩn bị bài đầy đủ trước khi đến lớp, đọc trước những tài liệu có liên quan đến bài học mới, hào hứng

phát biểu ý kiến xây dựng bài; ghi chép được những kiến thức cốt lõi của bài học; lĩnh hội được những tri thức trừu tượng, khó hiểu mà trong quá trình chuẩn bị bài chưa nắm được.

- Trong các giờ thực hành, thảo luận: Khi thực hành chuẩn bị đầy đủ các điều kiện, phương tiện thực hành theo yêu cầu; Theo dõi, ghi chép kết quả thực hành; Hoàn thành tốt các nhiệm vụ thực hành được giao. Trong thảo luận, xemina: chủ động tích cực trong thảo luận nhóm; tự tin trình bày báo cáo khi được phân công; theo dõi, bổ sung, góp ý bài trình bày của các bạn trong lớp; tích cực hỏi, đối thoại, tranh luận về các vấn đề thảo luận; theo dõi, ghi chép sự tổng kết của giảng viên ở cuối các buổi thảo luận.

- Trong các giờ tự học, tự nghiên cứu: Xác định mục tiêu học tập của từng môn học; chủ động xây dựng kế hoạch học tập cho phù hợp với điều kiện của bản thân; tích cực đến thư viện, trung tâm học liệu để đọc, mở rộng các vấn đề liên quan đến bài học ở các giờ học lý thuyết; Ghi chép, lưu trữ những tài liệu thu thập được một cách khoa học, hệ thống.

- Trong thi, kiểm tra: Thực hiện nghiêm túc quy chế thi, kiểm tra; nỗ lực khắc phục những khó khăn, linh hoạt xoay sở để giải quyết các bài tập, nhiệm vụ được giao; hoàn thành tốt các bài thi, kiểm tra so với năng lực của bản thân.

** Biểu hiện khả năng thích ứng với phương pháp, cách thức học tập của LHS:*

Thích ứng với phương pháp, cách thức học tập là những phương thức chiếm lĩnh những tri thức khoa học, những cách học mới hiệu quả hơn cho từng môn học ở mỗi người. Khả năng thích ứng với phương pháp, cách thức học tập của LHS trong phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ thể hiện ở chỗ:

- LHS biết cách xây dựng kế hoạch học tập, tổ chức việc tự học cho phù hợp với điều kiện của bản thân.

- Biết cách nghe giảng, ghi chép, lĩnh hội tri thức mới một cách đầy đủ, khoa học.

- Biết cách lựa chọn, đọc những tài liệu tham khảo phục vụ cho việc học tập đồng thời biết ghi chép, lưu giữ tài liệu một cách khoa học.

- Biết cách học bài sao cho nhanh hiểu, ghi nhớ tốt và có khả năng vận dụng vào thực tiễn.

- Biết cách tổ chức thảo luận nhóm, semina,... đạt hiệu quả cao, phát huy được tinh thần làm việc của tất cả các thành viên, thông qua đó có thể hợp tác và học hỏi lẫn nhau.

3. Kết luận

Thích ứng với HĐHT của LHS là quá trình LHS tích cực, chủ động thay đổi, điều chỉnh về mặt tâm lý để khắc phục những khó khăn trong phương thức đào tạo mới nhằm học tập một cách có hiệu quả. Khả năng thích ứng của LHS chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố và có những tiêu chí khác nhau để đo lường về sự thích ứng với HĐHT về mặt hành vi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009), Luật Giáo dục. Nxb Chính trị Quốc gia Hà Nội.
- [2] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), Quyết định về việc ban hành “Quy chế 43 về đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ”.
- [3] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), Thông tư ban hành Quy chế quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam.
- [4] Trần Thị Cẩm (1996), Sổ tay khoa học chẩn đoán tâm lý (tập 3). Trung tâm nghiên cứu tâm lý trẻ em, Hà Nội.
- [5] Nguyễn Văn Hồng (2012), Nghiên cứu sự thích ứng với điều kiện sống mới của dân di cư vùng thủy điện Sơn La. Luận án Tiến sĩ Tâm lý học.
- [6] Lê Ngọc Lan (2002), Sự thích ứng với hoạt động học tập của sinh viên, Tạp chí Tâm lý học, Số 3/2002.

- [7] Phan Quốc Lâm, (2000), Sự thích ứng với hoạt động học tập của học sinh lớp 1. Luận án Tiến sỹ Tâm lý học, Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [8] A.N. Leonchiev (1989), Hoạt động - Ý thức - Nhân cách. Nxb Giáo dục Hà Nội.
- [9] Hoàng Phê - Chủ biên (1997), Từ điển tiếng Việt, Viện ngôn ngữ học. Nxb Giáo dục Đà Nẵng.
- [10] Nguyễn Khắc Viện - Chủ biên (2003), Từ điển Tâm lý học. Nxb Văn hóa thông tin.
- [11] Oxford (1993), Advanced Learner's Encyclopedic Dictionary. Oxford University Press.

THE THEORETICAL BASIS OF ADAPTATION TO THE LEARNING OF FOREIGN STUDENTS

Nguyen Quoc Thai
Tay Bac University

***Abstract:** One of the directly decisive determinants of the quality of international students training in Vietnam is the adaptation to their learning. The article discusses the theoretical basis about adaptation to learning of foreign students through the concept of adaptation, the adaptation to learning, and the expressions of adaptation to learning, etc as the basis for studying this issue in practice.*

***Keywords:** adaptation, foreign students, adaptation to learning.*

Ngày nhận bài: 08/12/2018. Ngày nhận đăng: 22/07/2019.

Liên lạc: Nguyễn Quốc Thái; e-mail: nguyenquothaidhtb@gmail.com